

Bản án số: 25/2021/HS-ST
Ngày 09-02-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Biên
Ông Nguyễn Kim San

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Đức–Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Huệ- Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số:129/2021/TLST-HS ngày 19 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2021/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 01 năm 2021 và các Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2021/HSST-QĐ ngày 18 tháng 01 năm 2021 và số 64/2021/HSST-QĐ ngày 28 tháng 01 năm 2021 đối với các bị cáo:

Trần Thị Tường V, sinh ngày 18 tháng 5 năm 1972 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Số 56/37 L, phường A, quận L, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Xuân P (đã chết) và bà Đỗ Thị D sinh năm 1951; có chồng là Trần Hữu N sinh năm 1970 (đã ly hôn) và 02 con; tiền án, tiền sự: chưa có; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/01/2020 đến ngày 14/01/2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

Nguyễn Xuân D, sinh ngày 31 tháng 01 năm 1986 tại Hải Phòng; Nơi cư trú: Số 01/44/430 T, phường N, quận L, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân T sinh năm 1960 và bà Đặng Thị Minh T sinh năm 1962; có vợ là Vũ Thị H sinh năm 1992 và 01 con; tiền án tiền sự: chưa có; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/01/2020 đến ngày 14/01/2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

Lương Thị H, sinh ngày 14 tháng 7 năm 1987 tại Hải Phòng; Nơi cư trú: Thôn C, xã N, huyện A, thành phố Hải Phòng; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc

tịch: Việt Nam; con ông Lương Văn V (đã chết) và bà Phạm Thị T sinh năm 1965; có chồng là Vũ Đình T sinh năm 1985 và 02 con; tiền án tiền sự: chưa có; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07/02/2020; có mặt.

Trần Thị Thúy Q, sinh ngày 17 tháng 6 năm 1991 tại Hải Phòng; Nơi cư trú: Số 97A N, phường C, quận L, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn D sinh năm 1956 và bà Trần Thị T sinh năm 1958; có chồng là Nguyễn Văn T sinh năm 1991 và 01 con; tiền án tiền sự: chưa có; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07/02/2020; có mặt.

Vũ Thị Xuân H, sinh ngày 25 tháng 01 năm 1996; Nơi cư trú: Thôn K, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn Đ sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị T sinh năm 1974; chưa có chồng con; tiền án tiền sự: chưa có; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07/02/2020; có mặt.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1990; địa chỉ: Đội 7, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định, vắng mặt.

Anh Đặng Thê V, sinh năm 1981; địa chỉ: Số 31/30 D, phường D, quận L, Hải Phòng, vắng mặt.

Anh Nguyễn Đình T, sinh năm 1989; địa chỉ: xóm 5, xã H, huyện H, tỉnh Nghệ An, vắng mặt.

Anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1975; địa chỉ: số 5/40 C, phường H, quận L, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

Anh Lê B, sinh năm 1971; địa chỉ: số 4/40 H, phường H, quận H, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

Chị Nguyễn Thị Q H, sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn K, xã Q, huyện A, thành Phố Hải Phòng, vắng mặt.

Anh Nguyễn Kiều H, sinh năm 1983; địa chỉ: số 124 N, phường N, quận L, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1972; địa chỉ: số 118/32/143 T, phường A, quận L, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

Anh Vũ Ngọc C, sinh năm 1990; địa chỉ: Đội 14 thôn T, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định, vắng mặt.

Anh Nguyễn Đình C, sinh năm 1969; địa chỉ: Số 17 C, phường N, quận L, Hải Phòng, vắng mặt.

Anh Nguyễn Quang H, sinh năm 1973; địa chỉ: Số 3/30 N, tổ dân phố E5, phường C, quận H, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

Chị Vũ Thị H, sinh năm 1987; địa chỉ: Số 307AB/CT2/47 Lê Lai, phường M, quận N, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

Anh Phạm Văn M, sinh năm 1970; địa chỉ: tổ 12 khu 3 thị trấn C, huyện C, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn K, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1970; địa chỉ: Số 164 H, phường H, quận H, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

Anh Trần Hải S, sinh năm 1986; địa chỉ: số 6 tổ 7 thị trấn C, huyện C, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

Anh Nguyễn Tuấn H; sinh năm 1981; địa chỉ: tổ 2 thôn A, xã An Đồng, huyện A, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

Chị Vũ Thị Bích T, sinh năm 1973; địa chỉ: số 6/32 H, phường T, quận L, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1969; địa chỉ: Số 42/19 Đ, phường M, quận N, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn Ú, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

Anh Mai Xuân H, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ năm 2008 đến năm 2020, Trần Thị Tường V đã thuê người thành lập 32 công ty để thực hiện hành vi mua bán trái phép hóa đơn GTGT, thu lợi bất chính (trong đó V đã bán hóa đơn GTGT tại 27 công ty, còn 05 công ty chưa đi vào hoạt động). Để thực hiện việc mua bán trái phép hóa đơn GTGT tại các công ty này, V đã thuê Nguyễn Xuân D, Lương Thị H, Trần Thị Thúy Q, Vũ Thị Xuân H giúp sức cho V trong việc mua bán trái phép hóa đơn GTGT tại các công ty, cụ thể:

Từ tháng 01/2016 đến tháng 01/2020, Nguyễn Xuân D được V thuê thực hiện việc chuyển khoản, giao hóa đơn cho người mua tại 21 công ty gồm: Công ty Lê B; Công ty Mai Xuân Hà; Công ty Thịnh Phát Hải Phòng; Công ty Nguyễn Thủy; Công ty Nam Hiệp; Công ty Q Hoa; Công ty Ngọc Chung; Công ty Hữu Thịnh; Công ty Văn Đức; Công ty Vạn Xuân; Công ty V Nam; Công ty Kim Liên; Công ty Anh Cường; Công ty Thanh Phong; Công ty Hoàng Trung; Công ty Xuân D; Công ty Nguyễn D; Công ty Thọ Minh; Công ty Gia Phát; Công ty Thanh V; Công ty Phúc Kim Ngân. Ngoài ra, D còn đứng tên làm giám đốc Công ty Nguyễn D, Công ty Xuân D, Công ty D Khánh giúp V thực hiện việc mua bán trái phép hoá đơn GTGT ở các công ty này. D được V trả lương

192.000.000 đồng.

Từ tháng 01/2013 đến tháng 12/2013 và từ tháng 01/2016 đến tháng 01/2020, Lương Thị H được V thuê thực hiện việc ghi viết hóa đơn, soạn thảo hợp đồng kinh tế, giao hóa đơn, làm và nộp báo cáo thuế cho người mua tại 24 công ty gồm: Công ty Lê B, Công ty Mai Xuân Hà, Công ty Hải Phòng, Công ty Nguyễn Thủy, Công ty Nam Hiệp, Công ty Q Hoa, Công ty Ngọc Chung, Công ty Hữu Thịnh, Công ty Văn Đức, Công ty Vạn Xuân Hải Phòng, Công ty V Nam, Công ty V Hương, Công ty Kim Liên, Công ty Anh Cường, Công ty Thanh Phong, Công ty Hoàng Trung, Công ty Mạnh Cát, Công ty Xuân D, Công ty Nguyễn D, Công ty Trần Sơn, Công ty Thọ Minh, Công ty Gia Phát, Công ty Thanh V, Công ty Ngọc Hường. H được V trả lương 180.000.000 đồng.

Từ tháng 10/2016 đến tháng 10/2017 và từ tháng 11/2018 đến tháng 01/2020, Trần Thị Thuý Q được V thuê thực hiện việc ghi viết hóa đơn, soạn thảo hợp đồng kinh tế, làm và nộp báo cáo thuế tại Công ty TNHH thương mại dịch vụ Phúc Kim Ngân. Q được V trả lương 54.000.000 đồng.

Từ tháng 9/2018 đến tháng 01/2020, Vũ Thị Xuân H được V thuê thực hiện việc ghi viết hóa đơn, soạn thảo hợp đồng kinh tế, làm và nộp báo cáo thuế, giao hoá đơn cho người mua tại Công ty TNHH thương mại dịch vụ Phúc Kim Ngân, Công ty TNHH thương mại dịch vụ Đặng Vinh. Hương được V trả lương 30.000.000 đồng.

Cụ thể việc mua bán hóa đơn GTGT của các bị cáo tại 27 công ty như sau:

Công ty TNHH đầu tư thương mại và dịch vụ Nguyễn D MSDN: 0201777357 (gọi tắt là Công ty Nguyễn D); địa chỉ trụ sở số 6 tổ 7A khu 2, thị trấn Cát Bà, huyện Cát Hải, TP Hải Phòng. Giám đốc là bị can Nguyễn Xuân D. Công ty Nguyễn D hoạt động từ tháng 3/2017 đến tháng 01/2020. V khai thuê đối tượng tên Hùng (không rõ lai lịch, địa chỉ) thành lập công ty hết 150.000.000 đồng.

Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Xuân D MSDN: 0201627175 (gọi tắt là Công ty Xuân D); địa chỉ trụ sở tổ 7A khu 2, thị trấn Cát Bà, huyện Cát Hải, TP Hải Phòng. Giám đốc là bị can Nguyễn Xuân D. Công ty Xuân D hoạt động từ tháng 3/2015 đến tháng 02/2017. V khai thuê đối tượng tên Hùng (không rõ lai lịch, địa chỉ) thành lập công ty hết 150.000.000 đồng.

Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Văn Đức MSDN: 0201719556 (gọi tắt là Công ty Văn Đức); địa chỉ trụ sở đăng ký tại số 34 Hai Bà Trưng, phường An Biên, quận L, TP Hải Phòng. Giám đốc là Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1990, ĐKKHKT: đội 7 xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; Công ty Văn Đức hoạt động từ tháng 04/2016 đến tháng 4/2018. V khai thuê đối tượng tên Hùng (không rõ lai lịch, địa chỉ) thành lập công ty hết 150.000.000 đồng.

Công ty TNHH thương mại dịch vụ Thịnh Phát Hải Phòng (gọi tắt là Công ty Thịnh Phát Hải Phòng), MSDN: 0201770520; địa chỉ trụ sở số 17 đường Cầu Niệm, phường Nghĩa Xá, quận L, TP Hải Phòng. Ban đầu, giám đốc là Nguyễn

Hữu T, sinh năm 1975, ĐKHKT: số 5/40 Chùa Hàng, phường Hồ Nam, quận L, TP Hải Phòng. Tháng 10/2017, Công ty thay đổi giám đốc là Nguyễn Đình T, sinh năm 1989, ĐKHKT: xóm 5, xã Hưng Yên Bắc, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An. Công ty này hoạt động từ tháng 02/2017 đến tháng 12/2019. V khai thuê đối tượng tên Hùng (không rõ lai lịch, địa chỉ) thành lập công ty hết 150.000.000 đồng.

Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Lê B (gọi tắt là Công ty Lê B), MSDN: 0201776843; địa chỉ trụ sở số 263E Trần Nguyên Hãn, phường Nghĩa Xá, quận L, TP Hải Phòng. Giám đốc công ty là Lê B, sinh năm 1971, ĐKHKT: số 4/40 Hạ Lý, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng. Công ty này hoạt động từ tháng 3/2017 đến tháng 12/2019. V khai thuê đối tượng tên Hùng (không rõ lai lịch, địa chỉ) thành lập công ty hết 150.000.000 đồng.

Công ty TNHH đầu tư thương mại và dịch vụ Q Hoa (gọi tắt là Công ty Q Hoa), MSDN: 0201807604; địa chỉ trụ sở thửa B7, lô No2, khu nhà ở Sao Đỏ I, phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, TP Hải Phòng. Giám đốc là Nguyễn Thị Q H, sinh năm 1971, ĐKHKT: thôn Kiều Hạ 1, xã Quốc Tuấn, huyện An Dương, TP Hải Phòng. Công ty này hoạt động từ tháng 9/2017 đến tháng 6/2019. V khai thuê đối tượng tên Hùng (không rõ lai lịch, địa chỉ) thành lập công ty hết 150.000.000 đồng.

Công ty TNHH đầu tư thương mại và dịch vụ Kim Liên (gọi tắt là Công ty Kim Liên), MSDN: 0201864592; địa chỉ trụ sở đăng ký tại số 8/275 Trần Nguyên Hãn, phường Nghĩa Xá, quận L, TP Hải Phòng. Giám đốc công ty là Nguyễn Thị L, sinh năm 1972, ĐKHKT: số 118/32/143 Tôn Đức Thắng, phường An Dương, quận L, TP Hải Phòng. Công ty này hoạt động từ quý 2/2018 đến tháng 12/2019. V khai thuê đối tượng tên Cường (không rõ lai lịch, địa chỉ) thành lập công ty hết 200.000.000 đồng.

Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Ngọc Chung (gọi tắt là Công ty Ngọc Chung), MSDN: 0201770626; địa chỉ trụ sở tại số 779 tổ dân phố số 2, phường Hải Thành, quận Dương Kinh, TP Hải Phòng. Giám đốc là Vũ Ngọc C, sinh năm 1990, ĐKHKT: đội 14 Thuận Môn, xã Nghĩa Hồng, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định. Công ty này hoạt động từ quý 2/2017 đến tháng 12/2019. V khai thuê đối tượng tên Hùng (không rõ lai lịch, địa chỉ) thành lập công ty hết 150.000.000 đồng.

Công ty TNHH đầu tư thương mại V Nam (gọi tắt là Công ty V Nam), MSDN: 0201312400; địa chỉ trụ sở số 34 Hai Bà Trưng, phường An Biên, quận L, TP Hải Phòng. Giám đốc là bị can Lương Thị H; Công ty V Nam hoạt động từ tháng 9/2013 đến tháng 7/2017. V khai thuê đối tượng tên Hùng (không rõ lai lịch, địa chỉ) thành lập công ty hết 150.000.000 đồng.

Công ty TNHH vận tải Thọ Minh (gọi tắt là Công ty Thọ Minh), MSDN: 0201249614; địa chỉ trụ sở số 232 Tôn Đức Thắng, phường Lam Sơn, quận L, TP Hải Phòng; Giám đốc công ty này là Nguyễn Kiều H, sinh năm 1983, ĐKHKT: 124 Nguyễn Công H, phường Niệm Nghĩa, quận L, TP Hải Phòng; Công ty Thọ Minh hoạt động từ tháng 3/2012 đến tháng 4/2017. V khai thuê đối

tượng tên Hùng (không rõ lai lịch, địa chỉ) thành lập công ty hết 150.000.000 đồng.

Công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Thanh Phong (gọi tắt là Công ty Thanh Phong), MSDN: 0201281350; địa chỉ trụ sở tại số 8 Lê Hồng Phong, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng; Giám đốc công ty này là Nguyễn Văn Phong, sinh năm 1984, ĐKHKT: thôn Úc Gián, xã Thuận Thiên, huyện Kiến Thụy, TP Hải Phòng; Công ty Thanh Phong hoạt động từ tháng 10/2012 đến tháng 02/2016. V khai thuê đối tượng tên Hùng (không rõ lai lịch, địa chỉ) thành lập công ty hết 150.000.000 đồng.

Công ty TNHH thương mại dịch vụ xây dựng Anh Cường (gọi tắt là Công ty Anh Cường), MSDN: 0201393819; địa chỉ trụ sở tại số 6/32 Hoàng Quý, phường Trần Nguyên Hãn, quận L, TP Hải Phòng; Ban đầu, giám đốc là Nguyễn Thị Châm, sinh năm 1969, ĐKHKT: số 42/19 Điện Biên Phủ, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng, đến tháng 5/2017, Công ty Anh Cường thay đổi giám đốc sang Vũ Thị Bích Thủy, sinh năm 1973, ĐKHKT: số 6/32 Hoàng Quý, phường Trần Nguyên Hãn, quận L, TP Hải Phòng; Công ty Anh Cường hoạt động từ tháng 3/2014 đến tháng 4/2018. V khai thuê đối tượng tên Hùng (không rõ lai lịch, địa chỉ) thành lập công ty hết 150.000.000 đồng.

Công ty TNHH thương mại dịch vụ Hữu Thịnh (gọi tắt là Công ty Hữu Thịnh), MSDN: 0201298523; địa chỉ trụ sở đăng ký tại số 111 Lán Bè, phường Lam Sơn, quận L, TP Hải Phòng; Giám đốc công ty này là Nguyễn Hữu T, sinh năm 1975, ĐKHKT: số 5/40 Chùa Hàng, phường Hồ Nam, quận L, TP Hải Phòng; Công ty Hữu Thịnh hoạt động từ tháng 5/2013 đến tháng 02/2016. V khai thuê đối tượng tên Hùng (không rõ lai lịch, địa chỉ) thành lập công ty hết 150.000.000 đồng.

Công ty TNHH thương mại dịch vụ Mai Xuân Hà (gọi tắt là Công ty Mai Xuân Hà), MSDN: 0201719588; địa chỉ trụ sở đăng ký số 125, tổ 12, khu 3, thị trấn Cát Hải, huyện Cát Hải, TP Hải Phòng; Giám đốc công ty này là Mai Xuân Hà, sinh năm 1976, ĐKHKT: thôn Hoàng Mai, xã Đồng Thái, huyện An Dương; Công ty này hoạt động từ tháng 4/2016 đến tháng 10/2019. V khai thuê đối tượng tên Hùng (không rõ lai lịch, địa chỉ) thành lập công ty hết 150.000.000 đồng.

Công ty TNHH vận tải thương mại và dịch vụ Nam Hiệp (gọi tắt là Công ty Nam Hiệp), MSDN: 0201591867; địa chỉ trụ sở đăng ký tại số 91 Cầu Cáp, phường Lam Sơn, quận L, TP Hải Phòng; Giám đốc công ty là Nguyễn Tuấn Hiền, sinh năm 1981, ĐKHKT: Tổ 2, thôn An Dương, xã An Đồng, huyện An Dương, TP Hải Phòng; Công ty Nam Hiệp hoạt động từ tháng 12/2014 đến tháng 4/2018. V khai thuê đối tượng tên Hùng (không rõ lai lịch, địa chỉ) thành lập công ty hết 150.000.000 đồng.

Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Trần Sơn (gọi tắt là Công ty Trần Sơn), MSDN: 0201192171; địa chỉ trụ sở đăng ký tại tổ 7A, khu 2 (tại nhà ông Trần Trung Thành), thị trấn Cát Bà, huyện Cát Hải, TP Hải Phòng; Giám đốc là Trần Hải Sơn, sinh năm 1986, ĐKHKT: số 6 tổ 7 thị trấn Cát Bà, huyện Cát

Hải, TP Hải Phòng; Công ty Trần Sơn hoạt động từ tháng 8/2011 đến tháng 01/2016. V khai thuê đối tượng tên Hùng (không rõ lai lịch, địa chỉ) thành lập công ty hết 150.000.000 đồng.

Công ty TNHH đầu tư thương mại và dịch vụ Nguyễn Thủy (gọi tắt là Công ty Nguyễn Thủy), MSDN: 0201965953; địa chỉ trụ sở số 779 tổ dân phố số 2, phường Hải Thành, quận Dương Kinh, TP Hải Phòng. Giám đốc là Nguyễn Thị Thủy, sinh năm 1970, ĐKHKTT: số 164 Hoàng Văn Thụ, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng. Công ty Nguyễn Thủy hoạt động từ tháng 5/2019 đến tháng 12/2019. V khai thuê đối tượng tên Cường (không rõ lai lịch, địa chỉ) thành lập công ty hết 150.000.000 đồng.

Tại Công ty TNHH đầu tư thương mại Vạn Xuân Hải Phòng (gọi tắt là Công ty Vạn Xuân Hải Phòng), MSDN: 0201950611; địa chỉ trụ sở tại số 66 tổ 12 khu 3, thị trấn Cát Bà, huyện Cát Hải, TP Hải Phòng. Giám đốc là Nguyễn Văn Đức, sinh năm 1990, ĐKHKTT: đội 7 xã Nghĩa Hồng, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định. Công ty Vạn Xuân Hải Phòng hoạt động từ tháng 3/2019 đến tháng 10/2019. V khai thuê đối tượng tên Cường (không rõ lai lịch, địa chỉ) thành lập công ty hết 200.000.000 đồng.

Công ty TNHH đầu tư thương mại Hoàng Trung (gọi tắt là Công ty Hoàng Trung), MSDN: 0201340704; địa chỉ trụ sở đăng ký tại số 371 Lán Bè, phường Lam Sơn, quận L, TP Hải Phòng. Giám đốc công ty này là Hoàng Văn Trung, sinh năm 1989, ĐKHKTT: thôn Kiều Thượng, xã Quốc Tuấn, huyện An Dương, TP Hải Phòng. Công ty Hoàng Trung hoạt động từ tháng 12/2013 đến tháng 8/2016. V khai thuê đối tượng tên Hùng (không rõ lai lịch, địa chỉ) thành lập công ty hết 150.000.000 đồng.

Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Mạnh Cát (gọi tắt là Công ty Mạnh Cát), MSDN: 0201188432; địa chỉ trụ sở tại tổ 12 khu 3 thị trấn Cát Hải, huyện Cát Hải, TP Hải Phòng; Giám đốc công ty này là Phạm Văn Mạnh, ĐKHKTT: tổ 12 khu 3 thị trấn Cát Hải, huyện Cát Hải, TP Hải Phòng; Công ty Mạnh Cát hoạt động từ tháng 7/2011 đến tháng 01/2016. V khai thuê đối tượng tên Hùng (không rõ lai lịch, địa chỉ) thành lập công ty hết 150.000.000 đồng.

Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Ngọc Hường (gọi tắt là Công ty Ngọc Hường), MSDN: 0201212533; địa chỉ trụ sở tại số 174 Văn Cao, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng; Giám đốc công ty này Vũ Thị Hường, sinh năm 1987, ĐKHKTT: số 307AB/CT2/47 Lê Lai, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng; Công ty Ngọc Hường hoạt động từ tháng 11/2011 đến tháng 7/2015. V khai thuê đối tượng tên Hùng (không rõ lai lịch, địa chỉ) thành lập công ty hết 150.000.000 đồng.

Công ty TNHH thương mại Thanh V (gọi tắt là Công ty Thanh V), MSDN: 0200791246; địa chỉ trụ sở đăng ký tại thôn An Dương, xã An Đồng, huyện An Dương, TP Hải Phòng; Giám đốc công ty này Trần Thị Tường V (bị can trong vụ án); Công ty Thanh V hoạt động từ tháng 3/2008 đến tháng 8/2016. V khai thuê đối tượng tên Hùng (không rõ lai lịch, địa chỉ) thành lập công ty hết 150.000.000 đồng.

Công ty TNHH đầu tư dịch vụ và thương mại Gia Phát (gọi tắt là Công ty Gia Phát), MSDN: 0201625192; địa chỉ trụ sở đăng ký tại số 17 Cầu Niệm, phường Nghĩa Xá, quận L, TP Hải Phòng; Giám đốc công ty là Nguyễn Đình C, sinh năm 1969, ĐKKHKT: số 17 Cầu Niệm, phường Nghĩa Xá, quận L, TP Hải Phòng; Công ty Gia Phát hoạt động từ tháng 3/2015 đến tháng 11/2017. V khai thuê đối tượng tên Hùng (không rõ lai lịch, địa chỉ) thành lập công ty hết 150.000.000 đồng.

Công ty TNHH thương mại dịch vụ V Hương (gọi tắt là Công ty V Hương), MSDN: 0201248321; địa chỉ trụ sở tại thửa 08 lô 2A khu đô thị mới ngã 5 sân bay Cát Bi, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng. Giám đốc là Nguyễn Quang Hà, sinh năm 1973, ĐKKHKT: số 3/30 Ngô Gia Tự, TDP E5, phường Cát Bi, quận Hải An, TP Hải Phòng. Công ty này hoạt động từ tháng 3/2012 đến tháng 4/2016. V khai thuê đối tượng tên Hùng (không rõ lai lịch, địa chỉ) thành lập công ty hết 150.000.000 đồng.

Công ty TNHH thương mại dịch vụ Phúc Kim Ngân (gọi tắt là Công ty Phúc Kim Ngân), MSDN: 0201639999; địa chỉ trụ sở đăng ký tại thửa 8 lô 2A Lê Hồng Phong, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng; Giám đốc công ty này là Đặng Thế V, sinh năm 1981, ĐKKHKT: số 31/30 Dư Hàng, phường Dư Hàng, quận L, TP Hải Phòng; Công ty này hoạt động từ tháng 7/2015 đến tháng 01/2020. V khai thuê đối tượng tên Hùng (không rõ lai lịch, địa chỉ) thành lập công ty hết 150.000.000 đồng.

Công ty TNHH thương mại dịch vụ Đặng Vinh (gọi tắt là Công ty Đặng Vinh), MSDN: 0314795477; địa chỉ trụ sở đăng ký tại số 106 Đường 20, khu phố 2, phường Bình An, Quận 2, TP Hồ Chí Minh. Giám đốc công ty này là Đặng Thế V, sinh năm 1981, ĐKKHKT: số 31/30 Dư Hàng, phường Dư Hàng, quận L, TP Hải Phòng. Công ty này bắt đầu hoạt động từ tháng 12/2017 đến tháng 12/2019. V khai thuê đối tượng tên Hùng (không rõ lai lịch, địa chỉ) thành lập công ty hết 200.000.000 đồng.

Công ty TNHH thương mại vật tư và vận tải Thế Vinh (gọi tắt là Công ty Thế Vinh), MSDN: 0201186509; địa chỉ trụ sở đăng ký tại số 165 Trại Lẻ, phường Kênh Dương, quận L, TP Hải Phòng; Giám đốc công ty này là Đặng Thế V, sinh năm 1981, ĐKKHKT: số 31/30 Dư Hàng, phường Dư Hàng, quận L, TP Hải Phòng; Công ty này hoạt động từ tháng 7/2011 đến tháng 02/2012. V khai thuê đối tượng tên Hùng (không rõ lai lịch, địa chỉ) thành lập công ty hết 150.000.000 đồng.

Mặc dù 27 công ty nêu trên không có bất cứ hoạt động sản xuất, kinh doanh, trao đổi, mua bán hàng hóa, dịch vụ gì trên thực tế, nhưng Trần Thị Tường V cùng đồng phạm đã ghi khống nội dung hàng hóa, dịch vụ trên hóa đơn GTGT và các chứng từ kèm theo, trong đó:

Trần Thị Tường V đã bán trái phép 81.115 số hóa đơn GTGT ghi khống tổng số tiền chưa thuế trên hóa đơn là 8.064.341.844.115 đồng, giá bán là từ 1,8 đến 2%/1 tỷ đồng tiền hàng, dịch vụ chưa thuế ghi khống trên hóa đơn GTGT (2 triệu đồng cho 1 tỷ đồng tiền hàng hóa, dịch vụ ghi trên hóa đơn GTGT) thu

được số tiền là 161.270.765.249 đồng, cụ thể: 1.104 số hóa đơn của công ty TNHH đầu tư thương mại và dịch vụ Nguyễn D ghi không số tiền hàng hóa dịch vụ chưa thuế là 451.091.324.236 đồng; 778 số hóa đơn của công ty TNHH thương mại dịch vụ Xuân D ghi không số tiền hàng hóa dịch vụ chưa thuế là 299.687.551.241 đồng; 2.720 số hóa đơn của công ty TNHH thương mại dịch vụ Văn Đức ghi không số tiền hàng hóa dịch vụ chưa thuế là 592.301.010.626 đồng; 2.264 số hóa đơn của công ty TNHH thương mại dịch vụ Thịnh Phát ghi không số tiền hàng hóa dịch vụ chưa thuế là 297.995.893.177 đồng; 2.643 số hóa đơn của công ty TNHH thương mại dịch vụ Lê B ghi không số tiền hàng hóa dịch vụ chưa thuế là 303.714.896.979 đồng; 1.374 số hóa đơn của công ty TNHH đầu tư thương mại Q Hoa ghi không số tiền hàng hóa dịch vụ chưa thuế là 217.180.261.919 đồng; 157 số hóa đơn của công ty TNHH đầu tư thương mại và dịch vụ Kim Liên ghi không số tiền hàng hóa dịch vụ chưa thuế là 40.949.182.401 đồng; 2.574 số hóa đơn của công ty TNHH thương mại dịch vụ Ngọc Chung ghi không số tiền hàng hóa dịch vụ chưa thuế là 289.441.707.292 đồng; 4.024 số hóa đơn của công ty TNHH đầu tư thương mại V Nam ghi không số tiền hàng hóa dịch vụ chưa thuế là 70.195.976.072 đồng; 4.402 số hóa đơn của công ty TNHH vận tải Thọ Minh ghi không số tiền hàng hóa dịch vụ chưa thuế là 250.409.482.494 đồng; 1.120 số hóa đơn của công ty TNHH thương mại xây dựng vận tải Thanh Phong ghi không số tiền hàng hóa dịch vụ chưa thuế là 151.123.854.311 đồng; 338 số hóa đơn của công ty TNHH thương mại dịch vụ xây dựng Anh Cường ghi không số tiền hàng hóa dịch vụ chưa thuế là 49.217.547.971 đồng; 2.175 số hóa đơn của công ty TNHH thương mại dịch vụ Hữu Thịnh ghi không số tiền hàng hóa dịch vụ chưa thuế là 460.417.113.310 đồng; 2.171 số hóa đơn của công ty TNHH thương mại dịch vụ Mai Xuân Hà ghi không số tiền hàng hóa dịch vụ chưa thuế là 603.522.033.915 đồng; 3.650 số hóa đơn của công ty TNHH vận tải thương mại dịch vụ Nam Hiệp ghi không số tiền hàng hóa dịch vụ chưa thuế là 636.431.670.308 đồng ; 1.854 số hóa đơn của công ty TNHH thương mại và dịch vụ Trần Sơn ghi không số tiền hàng hóa dịch vụ chưa thuế là 969.590.755.355 đồng; 916 số hóa đơn của công ty TNHH đầu tư thương mại và dịch vụ Nguyễn Thủy ghi không số tiền hàng hóa dịch vụ chưa thuế là 74.114.323.100 đồng; 07 số hóa đơn của công ty TNHH đầu tư thương mại Vạn Xuân ghi không số tiền hàng hóa dịch vụ chưa thuế là 1.098.000.000 đồng; 2.165 số hóa đơn của công ty TNHH đầu tư thương mại Hoàng Trung ghi không số tiền hàng hóa dịch vụ chưa thuế là 545.930.569.853 đồng; 1.763 số hóa đơn của công ty TNHH thương mại và dịch vụ Mạnh Cát ghi không số tiền hàng hóa dịch vụ chưa thuế là 916.554.583.004 đồng; 2.071 số hóa đơn của công ty TNHH thương mại và dịch vụ Ngọc Hường ghi không số tiền hàng hóa dịch vụ chưa thuế là 269.175.156.550 đồng; 2.100 số hóa đơn của công ty TNHH thương mại Thanh V ghi không số tiền hàng hóa dịch vụ chưa thuế là 212.570.822.146 đồng; 75 số hóa đơn của công ty TNHH đầu tư dịch vụ và thương mại Gia Phát ghi không số tiền hàng hóa dịch vụ chưa thuế là 19.649.830.192 đồng; 12.664 số hóa đơn của công ty TNHH thương mại dịch vụ V Hương ghi không số tiền hàng hóa dịch vụ chưa thuế là 104.682.105.235 đồng; 25.900 số hóa đơn của công ty TNHH thương mại dịch vụ Phúc Kim

Ngân ghi không số tiền hàng hóa dịch vụ chưa thuế là 209.348.622.305 đồng; 16 số hóa đơn của công ty TNHH thương mại dịch vụ Đặng Vinh ghi không số tiền hàng hóa dịch vụ chưa thuế là 1.151.818.186 đồng; 90 số hóa đơn của công ty TNHH thương mại vật tư và vận tải Thế Vinh ghi không số tiền hàng hóa dịch vụ chưa thuế là 26.795.751.937 đồng.

Để hợp thức hóa việc bán hóa đơn GTGT, Trần Thị Tường V đã kê khai hóa đơn GTGT của các công ty của mình kê không làm đầu vào cho nhau, mua hóa đơn của nhiều đối tượng khác (không xác định được nhân thân, lai lịch). Căn cứ các tài liệu là tờ khai, bảng kê mà các đối tượng đã nộp cho cơ quan thuế, lời khai của bị can V, Cơ quan điều tra đã xác định được:

Trần Thị Tường V đã sử dụng 672 số hóa đơn ghi không số tiền hàng hóa, dịch vụ chưa thuế là 95.794.128.688 đồng của các công ty của chính bị can để kê khai làm đầu vào cho các công ty của bị can cụ thể: công ty TNHH vận tải Thọ Minh kê khai xuất bán 37 số hóa đơn ghi không số tiền hàng hóa, dịch vụ chưa thuế là 306.232.697 đồng cho công ty Mạnh Cát, Trần Sơn, V Hương; công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Thanh Phong kê khai xuất bán 14 số hóa đơn ghi không số tiền hàng hóa, dịch vụ chưa thuế là 7.816.441.562 đồng cho công ty Thọ Minh, V Nam; công ty TNHH thương mại dịch vụ Hữu Thịnh kê khai xuất bán 91 số hóa đơn ghi không số tiền hàng hóa, dịch vụ chưa thuế là 24.006.242.301 đồng cho công ty Thọ Minh, Thanh V, Anh Cường, V Nam; công ty TNHH thương mại và dịch vụ Trần Sơn kê khai xuất bán 423 số hóa đơn ghi không số tiền hàng hóa, dịch vụ chưa thuế là 36.363.242.513 đồng cho công ty Ngọc Hường, V Hương, Thọ Minh, Thanh Phong, Hữu Thịnh, V Nam, Hoàng Trung, Thanh V; công ty TNHH đầu tư thương mại Hoàng Trung kê khai xuất bán 85 số hóa đơn ghi không số tiền hàng hóa, dịch vụ chưa thuế là 22.921.450.216 đồng cho công ty Thọ Minh, Thanh Phong, V Nam, Thanh V; công ty TNHH thương mại dịch vụ Ngọc Hường kê khai xuất 8 số hóa đơn ghi không số tiền hàng hóa, dịch vụ chưa thuế là 1.452.859.180 đồng cho công ty Thọ Minh, V Nam; công ty TNHH thương mại Thanh V kê khai xuất bán 10 số hóa đơn ghi không số tiền hàng hóa, dịch vụ chưa thuế là 1.792.501.800 đồng cho công ty V Hương; công ty TNHH thương mại vật tư và vận tải Thế Vinh kê khai xuất bán 04 số hóa đơn ghi không số tiền hàng hóa, dịch vụ chưa thuế là 1.135.158.419 đồng

Mua nhiều số hóa đơn GTGT của nhiều công ty khác ghi không số tiền hàng hóa, dịch vụ chưa thuế là 7.935.774.582.656 đồng với giá mua là 1,8% hết số tiền 142.843.942.488 đồng. Trong đó Cơ quan điều tra đã xác định được V mua 2.177 số hóa đơn và nhiều số hóa đơn khác hiện không xác định được số tờ do không có bảng kê chi tiết số hóa đơn mua vào. Cụ thể: mua nhiều số hóa đơn ghi không số tiền hàng hóa, dịch vụ chưa thuế là 448.933.831.393 đồng cho công ty TNHH đầu tư thương mại và dịch vụ Nguyễn D; mua nhiều số hóa đơn ghi không số tiền hàng hóa dịch vụ chưa thuế là 298.733.169.681 đồng cho công ty TNHH thương mại dịch vụ Xuân D; mua nhiều số hóa đơn ghi không số tiền hàng hóa dịch vụ chưa thuế là 589.339.499.584 đồng cho công ty TNHH thương mại dịch vụ Văn Đức; mua nhiều số hóa đơn ghi không số tiền hàng hóa dịch vụ

chưa thuế là 296.511.883.713 đồng cho công ty TNHH thương mại dịch vụ Thịnh Phát; mua nhiều số hóa đơn ghi không số tiền hàng hóa dịch vụ chưa thuế là 302.166.243.094 đồng cho công ty TNHH thương mại dịch vụ Lê B; mua nhiều số hóa đơn ghi không số tiền hàng hóa dịch vụ chưa thuế là 214.815.612.273 đồng cho công ty TNHH đầu tư thương mại Q Hoa; mua nhiều số hóa đơn ghi không số tiền hàng hóa dịch vụ chưa thuế là 40.744.436.489 đồng cho công ty TNHH đầu tư thương mại và dịch vụ Kim Liên; mua nhiều số hóa đơn ghi không số tiền hàng hóa dịch vụ chưa thuế là 286.440.000.172 đồng cho công ty TNHH thương mại dịch vụ Ngọc Chung; mua 45 số hóa đơn ghi không số tiền hàng hóa dịch vụ chưa thuế là 52.797.633.412 đồng cho công ty TNHH đầu tư thương mại V Nam; 50 số hóa đơn và nhiều số hóa đơn khác ghi không số tiền hàng hóa dịch vụ chưa thuế là 193.882.910.671 đồng cho công ty TNHH vận tải Thọ Minh; mua 15 số hóa đơn và nhiều số hóa đơn khác ghi không số tiền hàng hóa dịch vụ chưa thuế là 138.325.936.718 đồng cho công ty TNHH thương mại xây dựng vận tải Thanh Phong; mua nhiều số hóa đơn ghi không số tiền hàng hóa dịch vụ chưa thuế là 47.543.865.044 đồng cho công ty TNHH thương mại dịch vụ xây dựng Anh Cường; mua 276 số hóa đơn và nhiều số hóa đơn khác ghi không số tiền hàng hóa dịch vụ chưa thuế là 428.883.861.951 đồng cho công ty TNHH thương mại dịch vụ Hữu Thịnh; mua nhiều số hóa đơn ghi không số tiền hàng hóa dịch vụ chưa thuế là 600.439.214.475 đồng cho công ty TNHH thương mại dịch vụ Mai Xuân Hà; mua nhiều số hóa đơn ghi không số tiền hàng hóa dịch vụ chưa thuế là 633.246.342.097 đồng cho công ty TNHH vận tải thương mại Nam Hiệp; mua 569 số hóa đơn và nhiều số hóa đơn khác ghi không số tiền hàng hóa dịch vụ chưa thuế là 1.002.167.226.572 đồng cho công ty TNHH thương mại và dịch vụ Trần Sơn; mua nhiều số hóa đơn ghi không số tiền hàng hóa dịch vụ chưa thuế là 73.447.294.193 đồng cho công ty TNHH đầu tư thương mại và dịch vụ Nguyễn Thủy; mua nhiều số hóa đơn ghi không số tiền hàng hóa dịch vụ chưa thuế là 2.577.216.073 đồng cho công ty TNHH đầu tư thương mại Vạn Xuân; mua 275 số hóa đơn và nhiều số hóa đơn khác ghi không số tiền hàng hóa dịch vụ chưa thuế là 549.580.060.676 đồng cho công ty TNHH đầu tư thương mại Hoàng Trung; mua 565 số hóa đơn và nhiều số hóa đơn khác ghi không số tiền hàng hóa dịch vụ chưa thuế là 952.462.347.122 đồng cho công ty TNHH thương mại và dịch vụ Mạnh Cát; mua 07 số hóa đơn và nhiều số hóa đơn khác ghi không số tiền hàng hóa dịch vụ chưa thuế là 260.028.639.497 đồng cho công ty TNHH thương mại và dịch vụ Ngọc Hường; mua 339 số hóa đơn và nhiều số hóa đơn khác ghi không số tiền hàng hóa dịch vụ chưa thuế là 170.318.665.199 đồng cho công ty TNHH thương mại Thanh V; mua nhiều số hóa đơn ghi không số tiền hàng hóa dịch vụ chưa thuế là 19.256.236.663 đồng cho công ty TNHH đầu tư dịch vụ và thương mại Gia Phát; mua nhiều số hóa đơn ghi không số tiền hàng hóa dịch vụ chưa thuế là 102.929.196.069 đồng cho công ty TNHH thương mại dịch vụ V Hương; mua nhiều số hóa đơn ghi không số tiền hàng hóa dịch vụ chưa thuế là 201.944.652.040 đồng cho công ty TNHH thương mại dịch vụ Phúc Kim Ngân; mua nhiều số hóa đơn ghi không số tiền hàng hóa dịch vụ chưa thuế là 1.136.545.500 đồng cho công ty TNHH thương mại dịch vụ Đặng

Vinh; mua 36 số hóa đơn ghi không số tiền hàng hóa dịch vụ chưa thuế là 27.122.062.285 đồng cho công ty TNHH thương mại vật tư và vận tải Thế Vinh.

Bị cáo V đã nộp các khoản thuế cho các công ty là 10.595.038.322 đồng, cụ thể: công ty TNHH đầu tư thương mại và dịch vụ Nguyễn D nộp 442.115.821 đồng; công ty TNHH thương mại dịch vụ Xuân D nộp 193.865.151 đồng; công ty TNHH thương mại dịch vụ Văn Đức nộp 591.930.599 đồng; công ty TNHH thương mại dịch vụ Thịnh Phát nộp 306.797.662 đồng; công ty TNHH thương mại dịch vụ Lê B nộp 335.655.530 đồng; công ty TNHH đầu tư thương mại Q Hoa nộp 443.216.584 đồng; công ty TNHH đầu tư thương mại và dịch vụ Kim Liên nộp 40.474.592 đồng; công ty TNHH thương mại dịch vụ Ngọc Chung nộp 605.689.152 đồng; công ty TNHH đầu tư thương mại V Nam nộp 214.907.117 đồng; công ty TNHH vận tải Thọ Minh nộp 280.378.526 đồng; công ty TNHH thương mại xây dựng vận tải Thanh Phong nộp 476.268.109 đồng; công ty TNHH thương mại dịch vụ xây dựng Anh Cường nộp 135.699.144 đồng; công ty TNHH thương mại dịch vụ Hữu Thịnh nộp 890.667.237 đồng; công ty TNHH thương mại dịch vụ Mai Xuân Hà nộp 622.283.492 đồng; công ty TNHH vận tải thương mại dịch vụ Nam Hiệp nộp 635.978.180 đồng; công ty TNHH thương mại và dịch vụ Trần Sơn nộp 512.944.721 đồng; công ty TNHH đầu tư thương mại và dịch vụ Nguyễn Thủy nộp 143.732.174 đồng; công ty TNHH đầu tư thương mại Vạn Xuân nộp 10.553.600 đồng; công ty TNHH đầu tư thương mại Hoàng Trung nộp 224.270.222 đồng; công ty TNHH thương mại và dịch vụ Mạnh Cát nộp 457.076.299 đồng; công ty TNHH thương mại và dịch vụ Ngọc Hường nộp 484.509.609 đồng; công ty TNHH thương mại Thanh V nộp 607.371.210 đồng; công ty TNHH đầu tư dịch vụ và thương mại Gia Phát nộp 58.378.103 đồng; công ty TNHH thương mại dịch vụ V Hương nộp 393.635.464 đồng; công ty TNHH thương mại dịch vụ Phúc Kim Ngân nộp 1.477.373.209 đồng; công ty TNHH thương mại dịch vụ Đăng Vinh nộp 6.238.180 đồng; công ty TNHH thương mại vật tư và vận tải Thế Vinh nộp 3.028.635 đồng.

Các chi phí khác để thành lập và hoạt động cho các công ty: thuê kế toán 456.000.000 đồng (trả cho D 192.000.000 đồng, H 180.000.000 đồng, Q 54.000.000 đồng, Hương 30.000.000 đồng). Trả lương giám đốc 712.000.000 đồng (công ty Thịnh Phát Hải Phòng 3.000.000đ, công ty Lê B 99.000.000đ, công ty Q Hoa 30.000.000 đồng, công ty Hữu Thịnh 5.000.000 đồng, công ty Mai Xuân Hà 35.000.000 đồng, công ty V Hương 60.000.000 đồng, công ty TNHH thương mại dịch vụ Phúc Kim Ngân 480.000.000 đồng).

Ngoài ra, V còn khai chi phí thuê người thành lập 27 công ty đã thực hiện hoạt động mua bán hóa đơn là 4.200.000.000 đồng. Xác minh tại trụ sở các công ty và ghi lời khai chủ các căn nhà có địa chỉ trên đăng ký kinh doanh của các công ty nêu trên thì các địa điểm trên không treo biển của các công ty và không có các công ty có tên trên hoạt động.

Tại Cáo trạng số 122/CT-VKS-P1 ngày 14/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng truy tố các bị cáo Trần Thị Tường V, Nguyễn Xuân D, Lương Thị H về phạm tội Mua bán trái phép hoá đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước, vi phạm điểm b, d, đ Khoản 2 Điều 203 Bộ luật hình sự; Truy

tổ các bị cáo Trần Thị Thúy Q, Vũ Thị Xuân H về phạm tội Mua bán trái phép hoá đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước, vi phạm điểm b, d khoản 2 Điều 203 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa,

Bị cáo Trần Thị Tường V thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã nêu. Ngoài ra, bị cáo còn khai nhận: Bị cáo đã thành lập 32 công ty với mục đích để mua bán hóa đơn. Trong đó có 27 công ty đã thực hiện việc mua bán hóa đơn và 05 công ty chưa bán hóa đơn. Các công ty đều không có sản xuất, kinh doanh gì mà chỉ mua hóa đơn của công ty khác làm đầu vào và bán hóa đơn đầu ra để kiếm lợi nhuận. Bị cáo không đồng ý về việc cáo trạng truy tố bị cáo thu lợi bất chính số tiền 6.663.784.439 đồng. Vì để công ty hoạt động, bị cáo đã bỏ chi phí thuê người thành lập 27 Công ty là 4.200.000.000 đồng. Đây là số tiền thực tế bị cáo phải chi phí để thành lập công ty nên đề nghị các cơ quan tiến hành tố tụng chấp nhận và trừ đi khoản chi phí này cho bị cáo. Các nội dung khác của Cáo trạng truy tố bị cáo đều đồng ý và không có ý kiến gì khác. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng hình phạt tiền, bị cáo có đủ khả năng thi hành hình phạt tiền.

Bị cáo Nguyễn Xuân D khai: Mặc dù biết bị cáo V mua bán trái phép hóa đơn nhưng do cuộc sống khó khăn nên khi bị cáo V thuê bị cáo làm giám đốc được trả lương nên bị cáo đã làm. Thời gian và hành vi của bị cáo đã giúp sức cho bị cáo V như cáo trạng truy tố bị cáo là đúng. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo là người làm thuê, được trả lương, vì cuộc sống nuôi gia đình nên bị cáo mới phải làm. Bị cáo đã làm thuê cho bị cáo V được 48 tháng (từ tháng 01/2016 đến tháng 01/2020), được trả lương 4.000.000 đồng/tháng, tổng cộng là 192.000.000 đồng. Bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo rất ân hận và đã tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền 192 triệu đồng. Bị cáo còn con nhỏ, bố mẹ cần sự chăm sóc của bị cáo nên đề nghị cho bị cáo được áp dụng hình phạt tiền để bị cáo có cơ hội lao động kiếm tiền, nuôi gia đình.

Bị cáo Lương Thị H khai nhận: Bị cáo cũng như bị cáo D, bị cáo là người làm thuê (kế toán) cho bị cáo V, bị cáo V yêu cầu bị cáo làm gì thì bị cáo phải làm (bị cáo thường viết, in hợp đồng, báo cáo thuế). Hành vi của bị cáo như cáo trạng truy tố là đúng. Bị cáo được V trả lương tổng cộng là 180.000.000 đồng với thời gian làm việc là 05 năm (3.000.000 đồng/tháng). Bị cáo biết hoạt động giúp cho bị cáo V mua bán hóa đơn là sai trái nhưng vẫn làm và hiện giờ phải chịu hậu quả nên bị cáo rất ân hận. Bị cáo cũng đã nộp lại toàn bộ số tiền 180 triệu đồng mà bị cáo V đã trả lương cho bị cáo. Bị cáo cũng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo, bị cáo có đủ điều kiện để nộp phạt tiền.

Bị cáo Trần Thị Thuy Q khai nhận: Bị cáo được bị cáo V thuê làm kế toán cho Công ty Phúc Kim Ngân với mức lương khoảng 2.000.000 đồng/tháng. Công việc của bị cáo là viết hóa đơn, soạn thảo hợp đồng kinh tế, làm và nộp báo cáo thuế. Bị cáo biết bị cáo V mua bán trái phép hóa đơn nhưng vẫn làm

theo sự chỉ đạo của bị cáo V. Bị cáo đã được trả lương từ các hoạt động giúp sức mua bán trái phép hóa đơn cho V là 54.000.000 đồng. Bị cáo đã tự nguyện nộp lại số tiền này. Bị cáo cũng đề nghị được áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo, bị cáo cam kết đủ điều kiện nộp phạt tiền.

Bị cáo Vũ Thị Xuân H khai nhận: Bị cáo làm thuê cho bị cáo V từ tháng 09/2018 đến tháng 01/2020 và được trả lương tổng cộng là 30.000.000 đồng. Biết bị cáo V mua bán trái phép hóa đơn giá trị gia tăng nhưng bị cáo vẫn giúp sức cho V, công việc của bị cáo là ghi viết hóa đơn, soạn thảo hợp đồng kinh tế, làm và nộp báo cáo thuế. Ngoài ra bị cáo còn là người giao hóa đơn cho người mua tại Công ty TNHH thương mại dịch vụ Phúc Kim Ngân, Công ty TNHH thương mại dịch vụ Đặng Vinh. Bị cáo nhất trí với số lượng hóa đơn bán khống mà cáo trạng đã truy tố của Công ty Phúc Kim Ngân và Công ty Đặng Vinh. Bị cáo vì hoàn cảnh khó khăn nên mới chấp nhận làm như vậy. Bị cáo rất ân hận và đã nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 30.000.000 đồng. Bị cáo đề nghị áp dụng hình phạt tiền và cam kết sẽ thi hành hình phạt.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tại phiên tòa như sau:

Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở khẳng định bị cáo Trần Thị Tường V đã thành lập 32 công ty, trong đó đã có 27 công ty thực hiện việc mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước. Tại Cáo trạng số 122/CT-VKS-P1 ngày 14/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng đã truy tố bị cáo thu lợi bất chính số tiền 6.663.784.439 đồng. Tuy nhiên sau phần thẩm vấn công khai tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng nhận thấy số tiền bị cáo V thuê người thành lập công ty là 4.200.000.000 đồng (27 công ty đã hoạt động) là chi phí thực tế của bị cáo. Vì vậy, đại diện viện kiểm sát rút quan điểm truy tố đối với khoản tiền này. Do đó, bị cáo Trần Thị Tường V đã thu lợi bất chính số tiền 2.463.784.439 (Hai tỷ bốn trăm sáu mươi ba triệu bảy trăm tám mươi tư nghìn bốn trăm ba mươi chín) đồng.

Các bị cáo Nguyễn Xuân D, Lương Thị H, Trần Thị Thúy Q và Vũ Thị Xuân H đều biết việc V mua bán trái phép hóa đơn nhưng vẫn giúp sức cho V để thực hiện hành vi phạm tội nhằm hưởng lợi. Vì vậy, các bị cáo là đồng phạm với bị cáo Trần Thị Tường V về tội “Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước”. Từ những phân tích đánh giá nêu trên, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ Điều b, d, đ Khoản 2 Điều 203, Điều g Khoản 1 Điều 52, Điều b, s Khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 35 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo *Trần Thị Tường V* số tiền từ 350.000.000 đồng đến 450.000.000 đồng về tội “Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước”.

Căn cứ Điều b, d, đ Khoản 2 Điều 203, Điều g Khoản 1 Điều 52, Điều b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 35 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo *Nguyễn Xuân D* số tiền từ 200.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng về tội “Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước”.

Căn cứ Điểm b, d, đ Khoản 2 Điều 203, Điểm g Khoản 1 Điều 52, Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 35 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo *Lương Thị H* số tiền từ 200.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng về tội “Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước”.

Căn cứ Điểm b, d Khoản 2 Điều 203, Điểm g Khoản 1 Điều 52, Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 35 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo *Trần Thị Thúy Q* số tiền từ 200.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng về tội “Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước”.

Căn cứ Điểm b, d Khoản 2 Điều 203, Điểm g Khoản 1 Điều 52, Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 35 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo *Vũ Thị Xuân H* số tiền từ 200.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng về tội “Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước”.

Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước toàn bộ số tiền các bị cáo đã nộp để khắc phục hậu quả.

Về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng*: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Hải Phòng, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về tội danh:

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với vật chứng thu giữ và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

[3] Từ năm 2008 đến tháng 01/ 2020, bị cáo Trần Thị Tường V đã thành lập 27 công ty để thực hiện hành vi bán 81.115 hóa đơn giá trị gia tăng được ghi không giá trị hàng hóa, dịch vụ chưa thuế là 8.064.341.844.115 đồng với giá từ 1,8% đến 2%/ tổng số hàng hóa, dịch vụ chưa thuế ghi không trên hóa đơn, thu được số tiền 161.270.765.249 đồng. Tuy nhiên, để có được số tiền từ việc bán hóa đơn GTGT ghi không bị cáo đã phải chi phí các khoản cụ thể sau:

[4] Mua nhiều hóa đơn GTGT của nhiều công ty khác để hợp thức hóa đầu vào với giá 1,8% số hàng hóa dịch vụ chưa thuế 7.935.774.582.656 đồng được ghi không hết số tiền 142.843.942.488 đồng. Để hợp thức hóa đầu vào, bị cáo V còn sử dụng 762 số hóa đơn của các công ty của bị cáo kê khai làm đầu vào cho

chính các công ty của bị cáo ghi không số tiền hàng hóa dịch vụ chưa thuế là 108.878.980.946 đồng.

[5] Thuê các bị cáo Nguyễn Xuân D, Lương Thị H, Trần Thị Thúy Q, Vũ Thị Xuân H với tổng số tiền là 456.000.000 đồng với các vị trí làm giám đốc, làm kế toán cho các công ty do bị cáo thành lập để thực hiện công việc chuyển khoản, giao hóa đơn, ghi viết hóa đơn, soạn thảo hợp đồng kinh tế, làm và nộp báo cáo thuế. Các bị cáo D, H, Q, Hương mặc dù biết bị cáo V mua bán hóa đơn giá trị gia tăng với nội dung hàng hóa dịch vụ được ghi không song vẫn tích cực thực hiện, giúp sức cho bị cáo V, cụ thể: *Bị cáo Nguyễn Xuân D* thực hiện việc chuyển khoản, giao hóa đơn cho người mua tại 21 công ty và làm giám đốc tại 03 công ty, giúp bị cáo V mua bán 45.505 số hoá đơn GTGT với số tiền hàng hoá, dịch vụ chưa thuế ghi không trên hoá đơn là 4.478.968.464.839 đồng trong khoảng thời gian 04 năm (từ tháng 01/2016 đến tháng 01/2020) và được trả lương 192.000.000 đồng; *bị cáo Lương Thị Hoà* thực hiện việc ghi viết hóa đơn, soạn thảo hợp đồng kinh tế, giao hóa đơn, làm và nộp báo cáo thuế cho người mua tại 24 công ty, giúp sức cho bị cáo V mua bán trái phép 27.642 số hoá đơn tương ứng với số tiền hàng hoá dịch vụ chưa thuế ghi không trên hoá đơn là 4.628.743.162.372 đồng trong khoảng thời gian 05 năm (từ tháng 01/2013 đến tháng 12/2013 và từ tháng 01/2016 đến tháng 01/2020) và được trả lương 180.000.000 đồng; *bị cáo Trần Thị Thúy Q* thực hiện việc ghi viết hóa đơn, soạn thảo hợp đồng kinh tế, làm và nộp báo cáo thuế tại Công ty TNHH thương mại dịch vụ Phúc Kim Ngân, giúp cho bị cáo V mua bán 11.005 số hoá đơn tương ứng với số tiền hàng hoá dịch vụ chưa thuế ghi không trên hoá đơn là 112.576.258.730 đồng trong khoảng thời gian hơn 02 năm (từ tháng 10/2016 đến tháng 10/2017 và từ tháng 11/2018 đến tháng 01/2020) và được trả lương 54.000.000 đồng; *bị cáo Vũ Thị Xuân H* thực hiện việc ghi viết hóa đơn, soạn thảo hợp đồng kinh tế, làm và nộp báo cáo thuế, giao hoá đơn cho người mua tại 02 công ty Phúc Kim Ngân và Đặng Vinh, giúp bị cáo V mua bán 7.599 số hoá đơn tương ứng với số tiền hàng hoá dịch vụ chưa thuế ghi không trên hoá đơn là 78.414.952.442 đồng trong khoảng thời gian 15 tháng (từ tháng 9/2018 đến tháng 01/2020) và được trả lương 30.000.000 đồng.

[6] Trả lương cho những người mà bị cáo thuê để làm giám đốc cho các công ty do bị cáo đã thành lập hết tổng số tiền 712.000.000 đồng, trong đó: Công ty Thịnh Phát Hải Phòng 3.000.000 đồng, công ty Lê B 99.000.000 đồng, công ty Q Hoa 30.000.000 đồng, công ty Hữu Thịnh 5.000.000 đồng, công ty Mai Xuân Hà 35.000.000 đồng, công ty V Hương 60.000.000 đồng, công ty TNHH thương mại dịch vụ Phúc Kim Ngân 480.000.000 đồng.

[7] Nộp các khoản thuế cho 27 công ty do bị cáo thành lập để mua bán hóa đơn GTGT không hết tổng số tiền 10.595.038.322 đồng.

[8] Thuê đối tượng không rõ lai lịch địa chỉ thành lập 27 công ty trên với tổng chi phí hết 4.200.000.000 đồng. Tại Cáo trạng số 122/CT-VKS-P1 ngày 14/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng đã không chấp nhận khoản chi phí này và truy tố số tiền thu lợi bất chính là 6.663.784.439 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa, sau khi xét hỏi công khai, đại diện Viện kiểm sát

đã cho rằng đây là chi phí thực tế mà bị cáo đã chi phí nên chấp nhận khoản chi phí này. Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát đã rút quan điểm truy tố đối với khoản tiền này và truy tố bị cáo Trần Thị Tường V đã thu lợi bất chính số tiền 2.463.784.439 đồng (6.663.784.439 đồng - 4.200.000.000 đồng). Hội đồng xét xử xét thấy việc rút quyết định truy tố đối với chi phí thành lập 27 công ty là có cơ sở nên chấp nhận.

[9] Như vậy, với các hành vi nêu trên của các bị cáo, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Các bị cáo Trần Thị Tường V, Nguyễn Xuân D, Lương Thị H, Trần Thị Thúy Q và Vũ Thị Xuân H đồng phạm tội “Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước” vi phạm quy định tại Điều 203 Bộ luật Hình sự.

[10] Tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến các quy định của Nhà nước trong lĩnh vực thuế, xâm hại đến lợi ích quốc gia về kinh tế, làm suy giảm Ngân sách Nhà nước. Vì vậy phải xử lý nghiêm đối với các bị cáo để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Về tình tiết định khung hình phạt:

[11] Bị cáo Trần Thị Tường V, Nguyễn Xuân D, Lương Thị H, Trần Thị Thúy Q và Vũ Thị Xuân H không có nghề nghiệp gì khác và lấy việc mua bán trái phép hóa đơn làm nguồn thu nhập chính. Bị cáo D thống nhất, giúp V mua bán trái phép 45.505 số hóa đơn GTGT với số tiền hàng hoá, dịch vụ chưa thuế ghi không trên hoá đơn là 4.478.968.464.839 đồng; bị cáo H thống nhất giúp V mua bán trái phép 27.642 số hoá đơn tương ứng với số tiền hàng hoá dịch vụ chưa thuế ghi không trên hoá đơn là 4.628.743.162.372 đồng; bị cáo Q thống nhất, giúp cho bị cáo V mua bán 11.005 số hoá đơn tương ứng với số tiền hàng hoá dịch vụ chưa thuế ghi không trên hoá đơn là 112.576.258.730 đồng; bị cáo Hương thống nhất, giúp bị cáo V mua bán 7.599 số hoá đơn tương ứng với số tiền hàng hoá dịch vụ chưa thuế ghi không trên hoá đơn là 78.414.952.442 đồng. Do đó, hành vi phạm tội của các bị cáo thỏa mãn tình tiết định khung tăng nặng là “Có tính chất chuyên nghiệp” và “Hóa đơn, chứng từ đã ghi nội dung từ 30 số trở lên” quy định tại Điểm b, d Khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự.

[12] Bên cạnh đó, bị cáo Trần Thị Tường V thu lợi bất chính số tiền 2.463.784.439 đồng, bị cáo Nguyễn Xuân D thu lợi bất chính số tiền 192.000.000 đồng, bị cáo Lương Thị H thu lợi bất chính số tiền 180.000.000 đồng. Vì vậy, các bị cáo V, D và H phải chịu thêm tình tiết định khung tăng nặng “Thu lợi bất chính 100.000.000 đồng trở lên” quy định tại Điểm đ Khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự.

[13] Từ những phân tích đánh giá nêu trên đủ cơ sở khẳng định Cáo trạng số 122/CT-VKS-P1 ngày 14/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng truy tố các bị cáo Trần Thị Tường V, Nguyễn Xuân D, Lương Thị H theo Điểm b,d, đ, Khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự và truy tố các bị cáo Trần Thị Thúy Q, Vũ Thị Xuân H theo Điểm b, d Khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Về vai trò của các bị cáo:

[14] Bị cáo Trần Thị Tường V là người trực tiếp thuê người thành lập công ty, thuê các bị cáo khác và chỉ đạo việc mua bán trái phép 81.115 số hóa đơn thu lợi bất chính số tiền 2.463.784.439 đồng. Như vậy, bị cáo V là người có vai trò chính trong vụ án và phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn các bị cáo khác.

[15] Bị cáo Nguyễn Xuân D và Lương Thị H là những người giúp sức tích cực cho bị cáo V thực hiện hành vi phạm tội. Nguyễn Xuân D trực tiếp làm giám đốc của 03 công ty, thực hiện việc chuyển khoản, giao hóa đơn cho người mua và thu lợi bất chính số tiền 192.000.000 đồng. Lương Thị H trực tiếp ghi viết hóa đơn, soạn thảo hợp đồng, giao hóa đơn, làm và nộp báo cáo thuế cho người mua, đã thu lợi bất chính số tiền 180.000.000 đồng. Như vậy, bị cáo D và H có vai trò ngang nhau trong vụ án và phải chịu trách nhiệm hình sự thấp hơn bị cáo V nhưng cao hơn các bị cáo Q và Hương.

[16] Các bị cáo Trần Thị Thúy Q và Vũ Thị Xuân H đã giúp sức cho Trần Thị Tường V thực hiện hành vi phạm tội, trực tiếp ghi viết hóa đơn, soạn thảo hợp đồng, làm và nộp báo cáo thuế. Trong đó Q thu lợi bất chính số tiền 54.000.000 đồng, Hương thu lợi bất chính số tiền 30.000.000 đồng. Vì vậy, các bị cáo Q và Hương có vai trò ngang nhau và thấp nhất trong vụ án nên phải chịu trách nhiệm hình sự thấp hơn các bị cáo khác.

Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[17] Nhân thân các bị cáo Trần Thị Tường V, Nguyễn Xuân D, Lương Thị H, Trần Thị Thúy Q và Vũ Thị Xuân H đều chưa có tiền án, tiền sự. Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội từ 02 lần trở lên” quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Song cũng xét, quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Các bị cáo đã nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính. Vì vậy, cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm b, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo.

[18] Bên cạnh đó, bị cáo Lương Thị H có ông nội, ông ngoại và bà ngoại là những người có công với Cách mạng. Bị cáo Nguyễn Xuân D có bố đẻ là quân nhân tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc. Bị cáo Trần Thị Thúy Q có ông ngoại là thương binh hạng 3/4. Bị cáo Vũ Thị Xuân H có ông nội và ông ngoại là người có công với Cách mạng. Do đó, cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Lương Thị H, Nguyễn Xuân D, Trần Thị Thúy Q và Vũ Thị Xuân H.

[19] *Về hình phạt:* Với các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Các bị cáo đa phần đều là người làm công ăn lương và đã tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính; thái độ khai báo thành khẩn, thực sự ăn năn hối cải; gia đình có công với cách mạng nên cũng cần xem xét khoan hồng đối với các bị cáo (Điều 3 Bộ luật Hình sự). Tại phiên tòa, các bị cáo đều đề nghị được áp dụng hình phạt tiền và cam kết có đủ điều kiện để thi hành hình phạt tiền. Do đó,

Hội đồng xét xử cũng xét thấy: Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với các bị cáo là có căn cứ chấp nhận.

[20] *Về hình phạt bổ sung*: Các bị cáo đã bị áp dụng hình chính là phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[21] *Về thu lợi bất chính*: Các bị cáo đều đã nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính. Cụ thể, bị cáo Trần Thị Tường V đã nộp lại tổng số tiền 2.463.785.000 đồng. Bị cáo Nguyễn Xuân D đã nộp lại số tiền 192.000.000 đồng. Bị cáo Lương Thị H đã nộp lại số tiền 180.000.000 đồng. Bị cáo Trần Thị Thúy Q đã nộp lại số tiền 54.000.000 đồng. Bị cáo Vũ Thị Xuân H đã nộp lại số tiền 30.000.000 đồng. Đây là số tiền các bị cáo đã thu lợi bất chính nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

Về xử lý vật chứng:

[22] Đối với 18 con dấu tròn và 19 dấu chức danh là công cụ các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội đến nay không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[23] Đối với 01 máy tính xách tay, 01 máy tính để bàn là công cụ các bị cáo soạn thảo hợp đồng, in hóa đơn.. nhằm thực hiện hành vi phạm tội. Các vật chứng trên vẫn còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

[24] Đối với 34 quyển hóa đơn chưa sử dụng và 02 USB chứa dữ liệu là các chữ ký số của các giám đốc Công ty mà bị cáo Trần Thị Tường V thành lập ra để mua bán hóa đơn không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[25] *Về án phí*: Các bị cáo phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[26] *Về quyền kháng cáo*: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ Điều b, d, đ Khoản 2 Điều 203, Điều g Khoản 1 Điều 52, Điều b, s Khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 35 Bộ luật Hình sự xử phạt: Bị cáo **Trần Thị Tường V** số tiền 400.000.000 (Bốn trăm triệu) đồng về tội “Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước”. Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo.

2. Căn cứ Điều b, d, đ Khoản 2 Điều 203, Điều g Khoản 1 Điều 52, Điều b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 35 Bộ luật Hình sự xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Xuân D** số tiền 250.000.000 (Hai trăm năm mươi triệu) đồng về tội “Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước”. Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo.

3. Căn cứ Điều b, d, đ Khoản 2 Điều 203, Điều g Khoản 1 Điều 52, Điều b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 35 Bộ luật Hình sự xử phạt: Bị cáo **Lương Thị H** số tiền 250.000.000 (Hai trăm năm mươi triệu) đồng

về tội “Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước”. Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo.

4. Căn cứ Điểm b, d Khoản 2 Điều 203, Điểm g Khoản 1 Điều 52, Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 35 Bộ luật Hình sự xử phạt: Bị cáo **Trần Thị Thúy Q** số tiền 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng về tội “Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước”. Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo.

5. Căn cứ Điểm b, d Khoản 2 Điều 203, Điểm g khoản 1 Điều 52, Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 35 Bộ luật Hình sự xử phạt: Bị cáo **Vũ Thị Xuân H** số tiền 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng về tội “Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước”. Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo.

6. Về thu lợi bất chính:

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước toàn bộ số tiền thu lợi bất chính 2.463.785.000 (Hai tỷ bốn trăm sáu mươi ba triệu bảy trăm tám mươi năm nghìn) đồng mà bị cáo Trần Thị Tường V đã nộp lại. Cụ thể bao gồm: Số tiền 696.400.000 (Sáu trăm chín mươi sáu triệu bốn trăm nghìn) đồng đã nộp theo Ủy nhiệm chi số 05 ngày 15/10/2020 của Cơ quan An ninh Điều tra Công an Thành phố Hải Phòng cho Cục Thi hành án Dân sự thành phố Hải Phòng tại tài khoản của kho bạc Nhà nước; số tiền 1.028.385.000 (Một tỷ không trăm hai mươi tám triệu ba trăm tám mươi lăm nghìn) đồng theo giấy nộp tiền số 270121.0027.0123 ngày 27/01/2021 và số tiền 739.000.000 (Bảy trăm ba mươi chín triệu) đồng theo giấy nộp tiền ngày 09/02/2021 từ ngân hàng Vietcombank Chi nhánh Hải Phòng vào tài khoản của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hải Phòng tại Kho bạc Nhà nước Hải Phòng.

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 192.000.000 (Một trăm chín mươi hai triệu) đồng bị cáo Nguyễn Xuân D đã nộp tại giấy nộp tiền số 270121.0027.0125 ngày 27/01/2021 từ ngân hàng Vietcombank Chi nhánh Hải Phòng vào tài khoản của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hải Phòng tại Kho bạc Nhà nước Hải Phòng.

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 180.000.000 (Một trăm tám mươi triệu) đồng bị cáo Lương Thị H đã nộp tại giấy nộp tiền số 270121.0027.0120 ngày 27/01/2021 từ ngân hàng Vietcombank Chi nhánh Hải Phòng vào tài khoản của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hải Phòng tại Kho bạc Nhà nước Hải Phòng.

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 54.000.000 (Năm mươi tư triệu) đồng bị cáo Trần Thị Thúy Q đã nộp tại giấy nộp tiền số 270121.0027.0116 ngày 27/01/2021 từ ngân hàng Vietcombank Chi nhánh Hải Phòng vào tài khoản của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hải Phòng tại Kho bạc Nhà nước Hải Phòng.

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng bị cáo Vũ Thị Xuân H đã nộp tại giấy nộp tiền số 270121.0027.0118 ngày

27/01/2021 từ ngân hàng Vietcombank Chi nhánh Hải Phòng vào tài khoản của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hải Phòng tại Kho bạc Nhà nước Hải Phòng.

7. *Về xử lý vật chứng*: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy đối với 18 con dấu tròn và 19 dấu chức danh;

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước đối với 01 máy tính xách tay nhãn hiệu HP màu bạc số S/N D81187J8; 01 máy tính để bàn nhãn hiệu Omega;

Tịch thu tiêu hủy đối với 34 quyển hóa đơn chưa sử dụng; 01 USB màu xám nhãn hiệu Kinhston 32G; 01 USB tonken có số S/N 540418071020987.

(Đặc điểm chi tiết thể hiện trong biên bản giao nhận vật chứng ngày 16/10/2020 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng).

8. *Về án phí*: Căn cứ vào Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo Trần Thị Tường V, Nguyễn Xuân D, Lương Thị H, Trần Thị Thúy Q và Vũ Thị Xuân H mỗi bị cáo phải nộp số tiền 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

9. *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSNDCC;
- Vụ 1- TANDTC;
- VKSND TP Hải Phòng;
- PV06 Công an TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TPHP;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Phòng KTNV và THA
- Lưu: HS, HCTP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thanh Bình